

V/v mời chào giá vật tư, hóa chất sử dụng
trong hỗ trợ sinh sản và đơn nguyên di truyền
của Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Quảng Ninh

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các đơn vị quan tâm

Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Quảng Ninh có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu mua sắm vật tư, hóa chất sử dụng trong hỗ trợ sinh sản và đơn nguyên di truyền của Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Quảng Ninh với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Quảng Ninh – khu Minh Khai, phường Đại Yên, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá: Phạm Anh Tuấn, Phó khoa – Phụ trách khoa Dược, SĐT: 0915.694.888, email: duocsannhi@gmail.com.

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Quảng Ninh – khu Minh Khai, phường Đại Yên, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

- Nhận qua email: duocsannhi@gmail.com.

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 08h ngày 27 tháng 3 năm 2025 đến trước 17h ngày 07 tháng 4 năm 2025.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày kể từ ngày 07 tháng 04 năm 2025.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục thiết bị y tế/ linh kiện, phụ kiện, vật tư thay thế sử dụng cho trang thiết bị y tế (gọi chung là thiết bị).

STT	Tên hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
I. Hóa chất, vật tư dùng chung cho kỹ thuật di truyền				
1	Dây và nắp 8 giếng trắng	- Dây và nắp 8 giếng trắng. Dạng nắp bằng, không chứa Dnase, Rnase. Chịu nhiệt -20°C tới 100°C. Nắp lắp đều, toàn phần đảm bảo vừa khít để đảm bảo mẫu không bị bay hơi trong quá trình ủ hoàn nhiệt - Tuýp ly tâm 0,1ml, loại dây 8-tube, màu trắng đục, kèm nắp bằng.	Hộp	30

STT	Tên hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
		- Được làm từ Polypropylene (PP) nguyên chất hoặc tương đương - Đảm bảo không chứa bất kỳ mức độ phát hiện nào của DNA vi khuẩn, DNA người, RNA, Pyrogen, ATP, DNase, RNase, chất ức chế PCR Quy cách: Hộp \geq 125 dây		
2	Kit tách chiết DNA	Kit tách chiết bằng công nghệ cột, đơn giản dễ thao tác, hiệu suất thu DNA rất cao. Tách chiết từ dải rộng mẫu đầu vào: máu toàn phần, đờm, nước tiểu và dịch cơ thể. Quy cách: Hộp \geq 50 test. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Hộp	20
3	Hộp đầu côn có phin lọc các cỡ	Hộp đầu côn có phin lọc các cỡ. Không chứa Dnase, Rnase. Quy cách: Hộp \geq 960 tip	Hộp	120
4	Cồn tuyệt đối dùng cho sinh học phân tử	Độ tinh khiết cao 96 - 100%. Dùng cho các phản ứng sinh học phân tử. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Quy cách: Bình \geq 1 lit	Bình	10
5	Ống ly tâm 1,5ml	- Ống ly tâm thể tích 1,5ml. - Không chứa Dnase, Rnase.	Ống	6.000
6	Ống ly tâm 2ml	- Ống ly tâm thể tích 2ml. - Không chứa Dnase, Rnase.	Ống	2.500
II. Hóa chất, vật tư dùng chung cho nuôi cấy tế bào				
7	Môi trường nuôi cấy tế bào ối đầy đủ thành phần	Môi trường bổ sung đầy đủ cho sự phát triển của các tế bào nước ối người trong nuôi cấy ngắn hạn phục vụ cho việc nghiên cứu di truyền tế bào và các quy trình chẩn đoán in vitro. Quy cách: Lọ \geq 100 ml	Lọ	80
8	Môi trường nuôi cấy tế bào máu ngoại vi đầy đủ thành phần	Môi trường bổ sung đầy đủ, giúp cho sự phát triển các tế bào lympho máu ngoại vi trong nuôi cấy ngắn hạn, phục vụ cho các nghiên cứu di truyền tế bào và trong các quy trình chẩn đoán in vitro. Quy cách: Lọ \geq 100 ml	Lọ	55
9	Hóa chất bất hoạt tế bào N-desacetyl-N-methylcolchicine	Dung dịch có chứa 10mg/ml N-desacetyl-N-methylcolchicine trong HBSS-Hank Balanced Salt Solution hoặc tương đương. Quy cách: Lọ \geq 10 ml	Lọ	20
10	Huyết thanh bào thai bê	Mức độ nội độc tố (Endotoxin): \leq 5 EU/ml (Mức thông thường \leq 10 EU/ml). Mức độ Hemoglobin: \leq 10 mg/dl (Mức thông thường \leq 25 mg/dl). Quy cách: chai \geq 500 ml	Chai	1
11	PBS dạng viên	Không chứa: Calcium, Magnesium, Phenol Red. Nồng độ: 1X. Quy cách: Lọ \geq 100 viên	Lọ	4
12	Hóa chất nhuộm Giemsa	Dung dịch được sử dụng cho kỹ thuật nhuộm băng G (G-banding) nhiễm sắc thể để phân tích tế bào học. Quy cách: Lọ \geq 100 ml	Lọ	10
13	Dung dịch đệm pha loãng thuốc nhuộm Giemsa	Chuẩn bị dung dịch đệm phosphat pH 6.8, nhằm pha loãng thuốc nhuộm Giemsa sử dụng trong phương pháp nhuộm G-banding nhiễm sắc thể, phục vụ chẩn đoán di truyền học tế bào. Quy cách: Chai \geq 50 viên	Chai	1
14	Hóa chất bất hoạt tế bào hypotonic	Dung dịch hypotonic 0.075 M dùng để mở rộng tế bào nhằm tạo điều kiện trải các nhiễm sắc thể kì metaphase trong karyotyping. Quy cách: hộp \geq 4x100ml	Hộp	15
15	Muối đệm cân bằng có phenol red	Bao gồm: Calcium, Magnesium, Glucose, Phenol Red. Không chứa: Sodium Pyruvate. Dải pH: 6.7 - 7.8. Quy cách: Chai \geq 500ml	Chai	12

TH
 NH V
 AN - P
 TIN
 QUẢN
 S

STT	Tên hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
16	Dung dịch 0.25% Trypsin-EDTA	Được làm từ bột trypsin, một hỗn hợp protease được chiếu xạ có nguồn gốc từ tuyến tụy lợn. Chất chelator: Có EDTA, có phenol red. Độ pH: 7.2 - 8.0. Quy cách: Lọ \geq 100 ml	Lọ	20
17	Dung dịch acid acetic tinh khiết cho sinh học phân tử	Chuyên dụng cho sinh học phân tử. Đạt tiêu chuẩn ISO. Quy cách: Lọ \geq 1 lít	Lọ	5
18	Methanol tinh khiết cho sinh học phân tử	Chuyên dụng cho sinh học phân tử. Đạt tiêu chuẩn ISO. Quy cách: Lọ \geq 1 lít	Lọ	10
19	Chai nuôi cấy vô trùng có nắp lọc 25 cm ²	Diện tích nuôi cấy 25cm hờ có màng lọc. Vật liệu: Polystyrene hoặc tương đương. Kiểu chai: hình hộp chữ nhật. Kiểu nắp: thông khí, được sản xuất bằng vật liệu Polyethylene hoặc tương đương. Xử lý bề mặt giúp tế bào bám dính tối ưu. Thể tích trung bình: 5 - 7,5ml. Thể tích làm việc tối đa: 10ml. Tiệt trùng bằng tia gamma và không chứa nội độc tố.	Chiếc	400
20	Dầu soi kính hiển vi	Dầu soi dùng cho kính hiển vi Olympus. Quy cách: Lọ \geq 30ml	Lọ	5
21	Ống ly tâm 15 ml	Ống ly tâm dung tích 15ml, có vạch chia trên thân ống. Không chứa Dnase/Rnase, có thể khử trùng. Làm từ vật liệu Polypropylen. Quy cách: Túi \geq 50 ống	túi	40
22	Kali clorid tinh khiết cho phân tích	Dùng để mở rộng tế bào nhằm tạo điều kiện trải các nhiễm sắc thể kì metaphase trong karyotyping. Quy cách: Lọ \geq 500gr	lọ	1
III.Hóa chất, vật tư dùng cho các kỹ thuật thalassemia				
23	Thuốc nhuộm gel	Thuốc nhuộm gel an toàn. Tương thích với nhiều transilluminator UV. Quy cách: Lọ \geq 0,5ml	Lọ	12
24	Thạch điện di	Ứng dụng điện di với DNA kích thước : 100bp đến 30kb. Quy cách: Lọ \geq 500gr	Lọ	5
25	Đệm điện di TAE	Sử dụng trong điện di. Nồng độ 10X. Quy cách: Bình \geq 1 lít	Bình	12
26	Môi cho các phản ứng PCR	Môi cho các phản ứng PCR. Nồng độ 25 nmol. Quy cách: Ống \geq 30nu	Ống	200
27	Strip PCR 0,2ml kèm nắp	PCR strip nắp phẳng. Chứng nhận free Dnase, Rnase. Khử trùng ở 121 độ C trong vòng 15 phút.	Strip	3.600
28	Thang chuẩn 100 DNA	Thang chuẩn 100 DNA ứng dụng điện di DNA genomes. Quy cách: lọ \geq 50ug	Lọ	10
29	Thang chuẩn 1000 DNA	Thang chuẩn 1000 DNA ứng dụng điện di DNA genomes. Quy cách: lọ \geq 5x50ug	Lọ	10
30	Hoá chất cho phản ứng PCR	Dung dịch pha sẵn gồm Taq DNA polymerase, dNTPs, MgCl ₂ và các đệm phản ứng. Bao gồm 2 màu nhuộm xanh và vàng cho phép kiểm tra trong quá trình điện di. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Quy cách: Hộp \geq 100 Test	Hộp	36
31	Kit phát hiện đột biến Thalassemia Beta	Kit phát hiện đột biến Thalassemia Beta. Bộ kit phát hiện 22 đột biến Beta Glubin Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. Quy cách: hộp \geq 20 test	Hộp	5
32	Kit phát hiện đột biến Thalassemia alpha	Kit phát hiện đột biến Thalassemia alpha. Bộ kit phát hiện 21 mất đoạn lớn và đột biến điểm của gene hemoglobin subunit alpha 1 (HBA1) và alpha 2 (HBA2). Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. Quy cách: hộp \geq 10 test	Hộp	5
IV.Hóa chất, vật tư dùng cho máy điện di mao quản Seqstudio 3500				
33	Kit phát hiện và phân tích các thể dị bội trên nhiễm sắc thể 13, 18, 21, X và Y bằng	Đạt chuẩn CE IVD hoặc tương đương. Sàng lọc 26 markers trong cùng 1 mix. Quy cách: Kit \geq 100 phản ứng	Kit	3

STT	Tên hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
	kỹ thuật QF-PCR			
34	Kit phát hiện và phân tích các thể dị bội trên nhiễm sắc thể 13 bằng kỹ thuật QF-PCR	Kit phát hiện dị bội trên nhiễm sắc thể 13. Đạt chuẩn CE IVD hoặc tương đương. Quy cách: Kit \geq 25 phản ứng	Kit	1
35	Kit phát hiện và phân tích các thể dị bội trên nhiễm sắc thể 18 bằng kỹ thuật QF-PCR	Kit phát hiện dị bội trên nhiễm sắc thể 18. Đạt chuẩn CE-IVD hoặc tương đương. Quy cách: Kit \geq 25 phản ứng	Kit	1
36	Kit phát hiện và phân tích các thể dị bội trên nhiễm sắc thể 21 bằng kỹ thuật QF-PCR	Kit phát hiện dị bội trên nhiễm sắc thể 21. Đạt chuẩn CE-IVD hoặc tương đương. Quy cách: Kit \geq 25 phản ứng	Kit	1
37	Kit phát hiện và phân tích các thể dị bội trên nhiễm sắc thể XY bằng kỹ thuật QF-PCR	Kit phát hiện dị bội trên nhiễm sắc thể XY. Đạt chuẩn CE-IVD hoặc tương đương. Quy cách: Kit \geq 25 phản ứng	Kit	1
38	Kit sàng lọc các marker STS AZF cơ bản trên nhiễm sắc thể Y ở vùng AZFa, AZFb và AZFc	Đạt chuẩn CE IVD hoặc tương đương. Kit phát hiện 8 markers sY255, sY127, sY134, sY86, sY84, sY254, ZFX, sY14. Quy cách: Kit \geq 25 tests	Kit	8
39	Kit xét nghiệm mở rộng hơn cho các vùng AZF khác nhau	Đạt chuẩn CE IVD hoặc tương đương. Kit phát hiện 13 markers (sY160, gr/gr (sY1191, sY1192), ZFX, sY14, sY1291, sY88, sY1065, sY82, sY83, sY153, sY121, sY105. Quy cách: Kit \geq 25 tests	Kit	8
40	Kit phát hiện đồng thời 6 biến thể di truyền liên quan đến chứng rối loạn đông máu	Đạt chuẩn CE IVD hoặc tương đương. Kit phát hiện các markers Factor V Leiden, G1691A/R506Q; Factor V R2, H1299R; Prothrombin/Factor II, G20210A; 5,10 Metylenetetrahydrofolate Reductase (MTHFR), C677T; MTHFR, A1298C; Plasminogen Activator Inhibitor 1 (PAI-1/ SERPINE1) 4G/5G. Quy cách: Kit \geq 48 tests	Kit	3
41	Thang chuẩn chứa đoạn DNA được đánh dấu màu huỳnh quang Orange	Thang chuẩn chứa đoạn DNA được đánh dấu màu huỳnh quang Orange. Được dùng để đánh giá độ phân giải, cường độ và tín hiệu nền trên các thiết bị phân tích điện di mao quản, xác định kích thước các đoạn DNA. Thích hợp sử dụng với các thiết bị điện di mao quản Genetic Analyzer 3100, 3500 và 3730. Quy cách: Kit \geq 500 loadings	Kit	6
42	Đĩa phản ứng 96 giếng cho giải trình tự gen	Được làm từ polypropylene ở định dạng 96 giếng, 0.2ml. Giảm thiểu sự nhiễu tín hiệu huỳnh quang giữa các giếng.	Đĩa	30
43	Tấm đệm Cathode Buffer cho máy giải trình tự gen	Dùng để đệm Cathode Buffer cho máy SeqStudio. Bao gồm 2 loại tấm đệm tương thích với 2 ngăn của Cathode Buffer Container.	Tấm	20
44	Dung dịch hoàn nguyên mẫu giải trình tự trước khi điện di mao quản	Công thức Formamide khử ion cao với một chất ổn định. Được sử dụng để hoàn nguyên mẫu giải trình tự trước khi điện di mao quản. Quy cách: Lọ \geq 25ml	Lọ	3
45	Cartridge giải trình tự gen	Tích hợp sẵn gel, điện cực dương, mao quản và bơm trên cùng một cartridge. Mao quản có chiều dài 28cm. Sử dụng cho 125 lần bơm điện di. Quy cách: Bộ \geq 500 mẫu	Bộ	3
46	Cathode Buffer Container cho máy giải trình tự gen	Hỗ trợ cho các ứng dụng giải trình tự và phân tích đoạn. Gồm 2 ngăn: một ngăn chứa đệm cực dương dùng để điện di; một ngăn chứa dung dịch rửa đầu mao quản.	Bộ	4
47	Bảo quản đầu mao quản	Được sử dụng để bảo quản đầu mao quản. Chỉ sử dụng một lần.	Cái	2

STT	Tên hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
48	Tấm cấy đĩa 96 giếng cho giải trình tự gen	Được sử dụng để cấy đĩa 96 giếng.	Tấm	40
V. Hóa chất dùng cho hệ thống giải trình tự gen Miseq Illumina				
49	Bộ kit sàng lọc bất thường về di truyền trước chuyển phôi	Kit sàng lọc di truyền trước chuyển phôi: phát hiện các bất thường số lượng NST của bộ NST từ mẫu sinh thiết phôi bào, tế bào lá nuôi - Tương thích với hệ thống giải trình tự model: Miseq Dx. - Bao gồm hóa chất cho ≥ 96 mẫu từ bước chuẩn bị mẫu và giải trình tự - Quy trình chuẩn bị mẫu chỉ trong vòng $\leq 4,5$ giờ. Quy cách: Kit ≥ 96 mẫu	kit	15
50	Hóa chất chuẩn bị thư viện	Bộ kit chuẩn bị mẫu để giải trình tự các bộ gen nhỏ, PCR amplicon và plasmid. Thời gian chuẩn bị thư viện trong khoảng 90 phút, trong đó mất khoảng 15 phút thao tác bằng tay. Lượng ADN đầu vào: 1 ng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Quy cách: Kit ≥ 24 mẫu	Kit	4
51	Hóa chất đánh dấu mẫu thư viện	Bao gồm các trình tự mỗi index primer giúp đánh dấu phân biệt các mẫu thư viện khác nhau. Khả năng phân biệt 96 mẫu trong một thư viện. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Quy cách: Kit ≥ 96 mẫu	Kit	2
52	Hóa chất chạy máy v2 300 cycles nano	Số lần đọc: 1 triệu lần. Công suất giải trình tự tối đa với 0.3 GB dữ liệu với phép giải trình tự 2x 150 bp. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Quy cách: Kit ≥ 300 cycles	Kit	2
53	Hóa chất chạy máy v2 300 cycles micro	Số lần đọc: 4 triệu lần. Công suất giải trình tự tối đa với 1.2 GB dữ liệu với phép giải trình tự 2x 150 bp. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Quy cách: Kit ≥ 300 cycles	Kit	8
54	Hóa chất kiểm tra thư viện Qubit	Hóa chất kiểm tra thư viện với độ nhạy cao: 0,2 - 100ng ds DNA. Sử dụng cho hệ thống đo Qubit. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Quy cách: Kit ≥ 100 phản ứng	Kit	15
55	Hoá chất tinh sạch sản phẩm PCR bằng hạt từ	Là hóa chất dùng để tinh sạch sản phẩm PCR ra khỏi các tạp chất trong dung dịch. Thu được DNA với độ tinh sạch cao và kích thước mong muốn (>100 bp). Quy cách: Lọ ≥ 5 ml	Lọ	20
56	Dung dịch rửa phôi	Dung dịch rửa phôi, thành phần không chứa phenol red. Quy cách: hộp $\geq 5 \times 0,5$ ml	Hộp	15
57	Đệm rửa phôi PBS	Đệm rửa phôi chuyên dụng thành phần: 8 mM Na ₂ HPO ₄ , 2 mM KH ₂ PO ₄ , 2.7 mM KCl, 137 mM NaCl, pH 7.4. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Quy cách: Chai ≥ 500 ml	Chai	3
58	Strip PCR 0,2ml không kèm nắp (nắp rời)	PCR strip thành mỏng độ dày đồng đều. - Được chứng nhận không chứa RNase, Dnase, Human DNA, chất ức chế phản ứng PCR, ATP & Pyrogen free - Được sản xuất từ vật liệu PP hoặc tương đương - Nắp phẳng kèm theo ống - Khử trùng ở 121°C trong vòng 15 phút - Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485 và chứng nhận CE.	Strip	3.600
59	Ống đo Qubit	Ống đo Qubit. Được chế tạo từ polypropylene. Ống thành mỏng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Ống	4.000
60	Kit khuếch đại genome	Bộ kit khuếch đại genome từ 1 tế bào, phù hợp cho các nghiên cứu như PGS, PGD. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Quy cách: Kit ≥ 96 phản ứng	kit	1
VI. Hóa chất, vật tư sử dụng trong Hỗ trợ sinh sản				

STT	Tên hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
61	Môi trường đông lạnh phôi	Độ pH: 7,0 -7,6 Nội độc tố (EU/ml): < 0,25 Được test phôi chuột MEA (sau 96 giờ): ≥ 80%. Thành phần chính: Heses, Ethylene Grycol, Dimethyl Sulfoxide, Trehalose, Hydroxypropyl Cellulose, Gentamicin. Quy cách: Kit ≥ 4 x 1,5 ml.	Kit	10
62	Bộ kit tách huyết tương giàu tiểu cầu PRP	- Bộ kit tách huyết tương giàu tiểu cầu PRP gồm 1 ống ly tâm áp lực âm KIT 22ml có chứa gel và chất chống đông độc quyền tạo ra độ pH sinh lý, giúp giảm kích ứng. - Quá trình chuẩn bị nhanh chóng với một lần ly tâm 1500g trong 10 phút với 6 bước đơn giản. - Thể tích ống: 22ml, Thể tích hút ra: 13ml - Tỷ lệ thu hồi tiểu cầu: 80% (+/-9%); Nồng độ cô đặc: 4.5x - Tỷ lệ loại bỏ hồng cầu: 99.9% và 95% bạch cầu hạt - Sản phẩm đạt non-pyrogen, xeno-free - Bảo quản tube ở nhiệt độ 4-25°C - Kèm theo các vật tư cung cấp kèm theo: - Kim cánh bướm 21G: 01 Cái - Kim chọc tủy số 18: 01 Cái - Holder: 01 Cái - Phin lọc 0,45µm sterile : 01 cái	Bộ	50
63	Ống đông tinh	- Đường kính ngoài: 12,5 mm, dài :48mm, dung tích: 1,8ml - Chất liệu: Polypropylene hoặc tương đương - Tiệt trùng	Cái	300
64	Bơm tiêm hút noãn 10 ml	Dung tích: 10 ml. Đầu xoắn. Làm bằng vật liệu Polypropylen (PP) hoặc tương đương Thân bơm trong suốt. Có vạch chia thể tích. Đóng gói vô trùng riêng từng cái.	Cái	30000
65	Môi trường lọc rửa tinh trùng bằng phương pháp gradient	Môi trường lọc rửa tinh trùng để tủ ấm CO2 trước khi sử dụng. Độ pH: 7.2-7.6 Osmolality (mOsm/kg 45%): 310-340 Osmolality (mOsm/kg 45%): 320-350 Tiệt trùng: SAL 10-3 Nội độc tố (EU/ml): < 0.5 Bảo quản: 2 - 8 độ C. Quy cách: Lọ ≥ 50 ml	Lọ	20
66	Pipette hút mẫu 1ml tiệt trùng đơn chiếc.	Pipet nhựa thể tích 1 ml - Sản xuất từ nhựa siêu trong, không chứa các chất thôi ra: slip agents, biocides, plasticizers, Bisphenol A, latex. - Sản phẩm đã được tiệt trùng, không có chất gây sốt, DNA, Dnase, Rnase.	Cái	15.000
67	Đầu tips tiệt trùng 2µl- 200 µl	Đầu tips được tiệt trùng và đóng gói riêng từng chiếc. Dung tích hút mẫu: từ 2 – 200 µl. Chiều dài đầu tips: 53 mm. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Cái	5.000
68	Đầu tips tiệt trùng 0,1µl - 20µl	Là loại đầu tips được tiệt trùng riêng từng chiếc. Dung tích hút mẫu: từ 0,1 – 20 µl. Chiều dài đầu tips: 40 mm. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Cái	2.000

NH
NH V
-IN-
TIN
UÁN

STT	Tên hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
69	Đĩa lựa chọn tinh trùng trưởng thành	Đĩa cấy thông thường bằng polystyren hoặc tương đương, có 3 giếng siêu nhỏ (đã được phủ HA) ở bề mặt trong đáy đĩa, vị trí của giếng nằm trong khu vực rộng 2mm và dài 3mm. Trên đĩa có ba mũi tên giúp nhận biết vị trí của giếng. Đĩa đã được xử lý vô trùng, không độc cho trứng, tinh trùng và phôi. - Có đường kính: 50mm - Chiều cao: 10mm	cái	150
70	Môi trường làm chậm tinh trùng trước ICSI	Môi trường làm chậm tinh trùng trước ICSI Đặc tính kỹ thuật : - Độ pH 7.0 - 8.5 - Độ thẩm thấu (mOsm/kg H ₂ O): 290-320 - Mức nội độc tố <1.0 EU/mL - Tỷ lệ sống sót của tinh trùng sau 18h lọc theo thang nồng độ >50% - Chai và nút chai được kiểm tra M.E.A - Thành Phần: Sodium chloride, Potassium chloride, Magnesium sulphate, Potassium dihydrogen phosphate, Sodium bicarbonate, human Serum Albumin (hSA), Hyaluronic Acid, Nước cất, Glucose, Calcium lactate, Pyruvate, EDTA, HEPES. - Quy cách: Hộp ≥ 6 x 100 μl	Hộp	10
71	Kim ICSI giúp đưa tinh trùng vào trứng	- Kim đưa tinh trùng vào trứng; - Chất liệu : thủy tinh borosilicate; - Đường kính trong: 4.5μm, đường kính ngoài: 6μm; - Đầu kim với góc nghiêng 35 độ; - Chiều dài tip: 800μm; Chiều dài tổng: 54-56mm - Tiết trùng từng cái. - MEA test ≥80% Blastocyst (90.48%) - LAL ≤ 0.5EU/thiết bị (<0.125 EU/ml)	Chiếc	400
72	Kim holding	- Kim giữ trứng và phôi; - Chất liệu: thủy tinh borosilicate hoặc tương đương; - Đường kính trong: 20μm, đường kính ngoài: 120μm; - Đầu kim với góc nghiêng 35 độ ; - Chiều dài tip: 700μm; Chiều dài tổng: 54-56mm - Tiết trùng từng cái. - MEA test ≥80% Blastocyst (90.48%) - LAL ≤ 0.5EU/thiết bị (<0.125 EU/ml)	Chiếc	600
73	Kim sinh thiết phôi nang	- Kim sinh thiết phôi - Chất liệu: thủy tinh borosilicate hoặc tương đương; - Đường kính trong: 30μm, đường kính ngoài: 40μm; - Đầu kim với góc nghiêng 35 độ; - Chiều dài tip: 700μm; Chiều dài tổng: 54-56mm - Tiết trùng từng cái. - MEA test ≥80% Blastocyst (90.48%) - LAL ≤ 0.5EU/thiết bị (<0.125 EU/ml)	Chiếc	300

2. Địa điểm cung cấp, lắp đặt; các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, lắp đặt, bảo quản thiết bị y tế: Vận chuyển và bàn giao tại Kho Khoa Dược – Tầng 4 nhà B – Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Quảng Ninh.

3. Thời gian giao hàng dự kiến: 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng: Thanh toán theo từng đợt giao hàng, sau khi bên mua nhận được đầy đủ chứng từ, biên bản bàn giao và nghiệm thu.

Bệnh viện xin trân trọng thông báo./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi
- Lưu: VT, KD



Bùi Minh Cường



**PHỤ LỤC
BÁO GIÁ**

Kính gửi: ... [ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá]

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của... [ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá], chúng tôi [ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các thiết bị y tế như sau:

1. Báo giá cho các thiết bị y tế và dịch vụ liên quan

STT	Danh mục thiết bị y tế	Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất	Số văn bản ban hành kết quả phân loại/ số đăng ký lưu hành/ Số giấy phép nhập khẩu (Đối với mặt hàng là TBYT)	Thông số kỹ thuật cơ bản	Mã HS	Năm sản xuất	Xuất xứ	Số lượng/khối lượng	Quy cách đóng gói	Đơn giá (VAT) (VND)	Chi phí cho các dịch vụ liên quan (VND)	Thuế, phí, lệ phí (nếu có) (VND)	Thành tiền(11) (VND)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
1	Thiết bị A												
2	Thiết bị B												
3													

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật, văn bản ban hành kết quả phân loại/ số đăng ký lưu hành/ Số giấy phép nhập khẩu và các tài liệu liên quan của thiết bị y tế)

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ... [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày], kể từ ngày ... tháng... năm ... [ghi ngàytháng...năm... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục I - Yêu cầu báo giá].

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

Ngày.....tháng.....năm.....

**Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà
cung cấp**

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))